

Beginner (B02)

Chen: Chị là người nước nào?

Where are you from?

Hà: Chị là người Anh. Còn em? Em là người nước nào?

I'm from the UK. And you? Where are you from?

Chen: Em là người Trung Quốc.

I'm from China.

Nam: Chào cô! Chào mọi người!

Hi!

Ha: Chào anh! Anh là người nước nào?

Hi. Where are you from?

Nam: Anh là người Việt Nam.

I'm from Vietnam.

Hà: Anh là người Việt Nam hả? Tại sao anh học tiếng

Việt?

You're from Vietnam? Why are you studying Vietnamese?

Nam: Hả? Tiếng Việt? Ủa, xin lỗi!

Ha? Vietnamese?! Oops! Sorry!

Hà: Ồ... chào anh...

Oh... bye...

***Từ mới – Vocabulary**

chị	<i>I, you (older female)</i>
anh	<i>I, you (older male)</i>
là	<i>am / are / is</i>
người	<i>person</i>
nước	<i>country</i>
nào	<i>which</i>
Chị là người nước nào?	<i>Which country are you from?</i>
Chị là người...	<i>I am from...</i>
Anh	<i>England, Britain , UK</i>
Trung Quốc	<i>China</i>
Việt Nam	<i>Vietnam</i>
Mỹ	<i>the USA</i>
tiếng Anh	<i>English language</i>
tiếng Trung	<i>Chinese language</i>
tiếng Việt	<i>Vietnamese language</i>
Còn...?	<i>And... ?</i>
mọi người	<i>everyone</i>
tại sao	<i>why</i>

học *study*

ủa *exclamation of surprise*

chào *goodbye*